

Bản án số: 47/2023/HSST
Ngày 10 tháng 8 năm 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Khảm

2. Đoàn Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà: Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/HSST ngày 16/6/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 12/7/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Ch, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1992; sinh trú quán: Thôn Thiệu T, xã T, huyện Y, tỉnh P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; vợ: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1992; con: Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1990; trú tại: Thôn Xuân C, xã T, huyện Y, tỉnh P, (vắng mặt).

2/ Anh Nguyễn Thiên T, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Đông L, xã Trung N, huyện Y, tỉnh P, (vắng mặt).

Người làm chứng:

3/ Anh Nguyễn Trung S, sinh năm 1994; trú tại: Thôn Thiệu T, xã Trung N, huyện Y, tỉnh P, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C không đăng ký hoạt động kinh doanh cầm đồ, cho vay, không làm cho ngân hàng, công ty hỗ trợ tài chính nào. Tuy nhiên với mục đích muốn thu lời bất chính nên vào khoảng năm 2021 C có cho một số người vay tiền với mức lãi suất cao vượt quá quy định của nhà nước, cụ thể:

Người vay thứ nhất: Ngày 10/01/2021, Nguyễn Văn C có cho anh Nguyễn Văn C vay số tiền 100.000.000 đồng với mức lãi suất là 3.000đ/01 triệu/01 ngày. Khi C cho anh C vay tiền thì C yêu cầu anh C viết giấy Hợp đồng vay tiền, nhưng không để lại giấy tờ hay tài sản gì thế chấp. Khi đưa tiền cho anh C vay thì C đưa đủ số tiền 100.000.000 đồng chứ không cắt tiền lãi trước. C và anh C thỏa thuận thống nhất cứ 10 ngày anh C phải trả cho C số tiền 3.000.000 đồng là tiền lãi của số tiền gốc 100.000.000 đồng. Khoản vay này anh C đã đóng tiền lãi cho C đến hết ngày 13/5/2021 (tổng là 13 lần = 130 ngày tiền lãi) với số tiền là 39.000.000 đồng cho C. Việc nộp tiền lãi hàng tháng thì anh C có lần đưa tiền mặt trực tiếp và có lần chuyển khoản cho C vào số tài khoản MB của C là 9350.1992.99999. Khoản vay này anh C đã trả tiền gốc cho C.

Người vay thứ hai: Ngày 22/05/2021, Nguyễn Văn C có cho anh Nguyễn Thiên T vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất là 3.000đ/01 triệu/01 ngày. Khi vay tiền của C thì anh T có viết giấy Hợp đồng vay tiền, không để lại giấy tờ hay tài sản gì thế chấp. Khi đưa tiền cho anh T vay C đã cắt luôn tiền lãi của 01 tháng đối với số tiền gốc 30.000.000 đồng với số tiền là 2.700.000 đồng và chỉ đưa cho T số tiền 27.300.000 đồng. Mỗi tháng anh T phải đóng cho C số tiền lãi là 2.700.000 đồng tiền lãi của số tiền gốc 30.000.000 đồng. Khoản vay này anh T đã đóng tiền lãi cho C từ tháng 6/2021 đến hết tháng 02/2023 (tổng là 22 tháng, bao gồm cả 01 tháng cắt tiền lãi trước) với số tiền là 59.400.000 đồng cho C. Việc nộp tiền lãi thì hàng tháng anh T chuyển khoản cho C vào số tài khoản MB của C là 9350.1992.99999 hoặc anh T chuyển tiền lãi vào số tài khoản MB của Nguyễn T S 3800.1883.88888. Sau đó S lại chuyển số tiền lãi này cho C. Khoản vay này anh T đã trả tiền gốc cho C.

Quá trình thực hiện việc cho vay lãi nặng của Nguyễn Văn C đã làm cho một số người dân bức xúc nên ngày 23/3/2023 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an huyện Y. Ngay sau khi nhận được tin báo cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Quá trình khám xét tại nhà ở của Nguyễn Văn C đã thu giữ: 01 Hợp đồng vay tiền có chữ ký của anh Nguyễn Thiên T là người vay tiền đề ngày 22/05/2021; 10 tờ giấy A4 có ghi tiêu đề Giấy mua bán xe; 13 tờ giấy A4 có ghi tiêu đề Giấy biên nhận vay tiền. 01 căn cước công dân (phô tô) số 026092003330 mang tên Nguyễn Văn C.

Ngày 25/3/2023, Nguyễn Văn C giao nộp cho Công an huyện Y: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11, vỏ màu trắng, số IMEI 350293724144909,

IMEI 2 350293724069809, máy đã qua sử dụng bên trong có lắp 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0971.252.999, sim có dòng số 89840048000319847239.

Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự thì lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Văn C cho anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Thiên T vay tiền với mức lãi suất là 3.000đ/01 triệu/01 ngày tương ứng với mức lãi suất 109,5%/01 năm, cách tính cụ thể $(3000 : 1.000.000) \times 100 = 0,3\%/01 \text{ ngày} \times 365 \text{ ngày} = 109,5\%/01 \text{ năm}$, mức lãi suất này đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định là: $20 \times 5 = 100\%/01 \text{ năm}$. Số tiền thu lãi bất chính rên được xác định là: Số tiền lãi đã thu – (Số tiền gốc x 20%: 12 tháng x số tháng trả lãi) = tiền thu lãi bất chính. Từ đó xác định tiền thu lãi bất chính của từng khoản vay là:

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn C: Khoản vay này anh C đã đóng tiền lãi cho C đến hết ngày 13/5/2021 (tổng là 13 lần = 130 ngày tiền lãi) với số tiền là 39.000.000 đồng cho C. Số tiền lãi suất được thu tối đa 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là $20.000.000\text{đ}/01 \text{ năm} : 365 \text{ ngày} = 54.795\text{đ}/01 \text{ ngày} \times 130 \text{ ngày} = 7.123.300\text{đ}$. Như vậy số tiền mà C thu lãi bất chính là: $39.000.000\text{đ} - 7.123.300\text{đ} = 31.876.700 \text{ đồng}$.

Đối với khoản vay 30.000.000 đồng của anh Nguyễn Thiên T: Khoản vay này anh T đã đóng tiền lãi cho C từ tháng 6/2021 đến hết tháng 02/2023 (tổng là 22 tháng, bao gồm cả 01 tháng cắt tiền lãi trước) với số tiền là 59.400.000 đồng cho C. Số tiền lãi suất được thu tối đa 20% theo quy định của Bộ luật dân sự là $6.000.000\text{đ}/01 \text{ năm} : 12 \text{ tháng} = 500.000\text{đ}/01 \text{ tháng} \times 22 \text{ tháng} = 11.000.000\text{đ}$. Như vậy số tiền mà C thu lãi bất chính là: $59.400.000\text{đ} - 11.000.000\text{đ} = 48.400.000 \text{ đồng}$.

Đến nay Nguyễn Văn C đã trả lại cho anh C, anh T toàn bộ số tiền thu lãi bất chính, anh C và anh Th đã trả lại cho C toàn bộ tiền nợ gốc. Anh C, anh T không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Căn cứ kết quả điều tra xác định, tổng số tiền gốc Nguyễn Văn C cho anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Thiên T vay là 130.000.000đ, tổng số tiền lãi thu được là 98.400.000đ trong đó tiền lãi được thu 20%/năm theo quy định là 18.123.300đ, tiền thu lãi bất chính là 80.276.700đ.

Quá trình điều tra xác định, bị cáo Nguyễn Văn C hoạt động cho vay lãi nặng một mình, không có ai khác tham gia và được hưởng lợi gì từ hoạt động này. Không có ai cung cấp tiền cho bị cáo thực hiện việc cho vay thu lãi, nguồn tiền bị cáo dùng để cho vay là tiền bị cáo lao động mà có, tiền thu lãi bất chính bị cáo sử dụng chi tiêu cá nhân và cho người khác vay tiền thu lãi như trên. Phương thức cho vay và thu lãi có thể bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua các giao dịch chuyển tiền đi, chuyển tiền đến giữa số tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn C,

Nguyễn Trung S và Nguyễn Thiên T. Qua xác minh cho thấy các số tài khoản này sử dụng để chuyển khoản cho vay tiền, nhận tiền lãi và thực hiện chuyển, nhận tiền từ các giao dịch dân sự hợp pháp khác.

Đối với Nguyễn Trung S: Bản thân anh S khi được Nguyễn Văn C bảo anh Nguyễn Thiên T chuyển khoản tiền lãi vào tài khoản của S, sau đó anh S đã chuyển lại số tiền lãi này cho C thì anh S không biết khoản tiền đó là tiền gì, không biết anh T là ai và không biết việc C cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với 01 Hợp đồng vay tiền có chữ ký của anh Nguyễn Thiên T là người vay tiền đề ngày 22/05/2021; 10 tờ giấy A4 có ghi tiêu đề Giấy mua bán xe; 13 tờ giấy A4 có ghi tiêu đề Giấy biên nhận vay tiền là vật chứng vụ án và 01 căn cước công dân (phô tô) số 026092003330 mang tên Nguyễn Văn C là các tài liệu có liên quan đến hành vi vi phạm của Nguyễn Văn C chuyển theo hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 bên trong có lắp 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0971.252.999.

Tại cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 14/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Nguyễn Văn C về tội “ Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y luận tội đối với bị cáo Nguyễn Văn C và giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 01 năm đến 03 năm tù giam giữ, miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung vào ngân sách Nhà nước, miễn hình phạt bổ sung. Truy thu của Nguyễn Văn C 148.123.300 đồng sung quỹ Nhà nước và đề nghị xử lý vật chứng của vụ án theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành

tổ tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, phù hợp lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2021 đến nay, Nguyễn Văn C đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 02 người là anh Nguyễn Văn C và anh Nguyễn Thiên T với tổng số tiền gốc là vay là 130.000.000đ, tổng số tiền lãi thu được là 98.400.000đ trong đó tiền lãi được thu 20%/năm theo quy định là 18.123.300đ, tiền thu lời bất chính là 80.276.700 đồng. Các lần cho vay C đều thu lãi theo mức lãi suất 109,5%/01 năm. Vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Văn C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi cho vay nặng lãi là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự” theo quy định của pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.”

Hành vi nêu trên của Nguyễn Văn C là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích của công dân nên cần xử lý nghiêm minh để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đó là phạm tội 02 lần trở nên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là bị cáo là người đang thờ cúng liệt sỹ.

Xét tính chất mức độ của hành vi, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản gì, đang thờ cúng liệt sỹ nên miễn việc khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Số tiền 130.000.000 đồng gốc của Nguyễn Văn C là công cụ sử dụng để phạm tội và tiền lãi thu lời bất chính 18.123.300 đồng thu theo quy định 20%/năm cần truy thu để sung quỹ Nhà nước.

Về vật chứng vụ án:

Đối với chiếc điện thoại Ipnos 11 bên trong có lắp 01 thẻ sim Viettel số thuê bao 0971.252.999 C sử dụng vào mục đích liên lạc để giao dịch cho vay lãi nặng và đòi nợ gốc, lãi là công cụ sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu chiếc điện thoại Ipnos 11 phát mại sung quỹ nhà nước còn sim Viettel số thuê bao 0971.252.999 tịch thu để tiêu hủy.

Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã Trung N, huyện Y, tỉnh P nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Yc, tỉnh P giám sát, giáo dục.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền; miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh” đối với Nguyễn Văn C.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu 148.123.300 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu một trăm hai mươi ba nghìn ba trăm) đồng của Nguyễn văn C sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu 01 điện thoại di động nhãn hiệu Ipnos 11, vỏ màu trắng, số IMEI 350293724144909, IMEI 2 350293724069809, máy đã qua sử dụng của Nguyễn Văn C để phát mại sung quỹ nhà nước. Tịch thu 01 thẻ sim Viettel số thuê bao

0971.252.999, sim có dòng số 89840048000319847239 của Nguyễn Văn C để tiêu hủy (theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y ngày 21/6/2023).

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- VKSND huyện Y;
- VKSND tỉnh P;
- Công an huyện Y;
- THAHS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã T;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bình Thuận

